

Số: 397 /TB-BV

Vinh, ngày 24 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO
Kết quả thi vòng 01 Kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020
của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

Kính gửi: Các thí sinh tham gia thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện .
Hữu nghị Đa khoa Nghệ An

Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi tuyển vòng 01 kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An vào ngày 24/03/2020.

Căn cứ kết quả thi tuyển, Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thông báo tới các thí sinh kết quả thi vòng 01 kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An (có danh sách kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTT; HĐTD; BCĐT;
- Sở Y tế, Sở Nội vụ (để B/c);
- Lưu: VT, TCCB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TUYỂN VÒNG 01 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
ĐỢT 01/2020 CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 397/TB-BV ngày 24/03/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện HNĐK Nghệ An)

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
1	186	LÊ ĐỨC	AN	22/6/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	24/30	
2	187	LÊ THỊ HÀ	AN	03/9/1993	Bác sĩ hạng III	47/60	25/30	
3	188	LÊ THỊ TÚ	ANH	26/12/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	24/30	
4	189	LÊ TRẦN	ANH	27/4/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	26/30	
5	190	LÊ TRUNG	ANH	19/8/1995	Bác sĩ hạng III	46/60	29/30	
6	191	LƯU TUẤN	ANH	16/12/1993	Bác sĩ hạng III	50/60	27/30	
7	192	MẠNH TRỌNG	BẰNG	13/11/1993	Bác sĩ hạng III	52/60	30/30	
8	193	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	17/11/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	21/30	
9	194	PHAN THỊ QUỲNH	CHI	24/12/1994	Bác sĩ hạng III	54/60	24/30	
10	195	QUẾ MINH	CƯỜNG	22/10/1992	Bác sĩ hạng III	41/60	22/30	
11	196	NGUYỄN HUY	ĐẠT	20/5/1994	Bác sĩ hạng III	39/60	20/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
12	197	XÔNG BÁ	DIÀ	19/8/1991	Bác sĩ hạng III	48/60	19/30	
13	198	NGUYỄN VĂN	ĐIỀU	07/9/1993	Bác sĩ hạng III	47/60	19/30	
14	199	HOÀNG QUANG	ĐỊNH	1/9/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	25/30	
15	200	HỒ SỸ	ĐỨC	25/12/1994	Bác sĩ hạng III	52/60	24/30	
16	201	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	29/6/1995	Bác sĩ hạng III	58/60	29/30	
17	202	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	23/7/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	27/30	
18	203	PHẠM MINH	DŨNG	28/06/1993	Bác sĩ hạng III	51/60	24/30	
19	204	NGUYỄN THỊ	HÀ	26/09/1994	Bác sĩ hạng III	36/60	28/30	
20	205	PHẠM THỊ THU	HÀ	22/08/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	29/30	
21	206	NGUYỄN ĐÌNH	HẢI	20/11/1991	Bác sĩ hạng III	54/60	24/30	
22	207	PHẠM PHÚC	HẢI	05/12/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	23/30	
23	208	NGUYỄN VINH	HIỀN	25/01/1994	Bác sĩ hạng III	40/60	25/30	
24	209	NGUYỄN QUỐC	HÒA	11/02/1995	Bác sĩ hạng III	48/60	22/30	
25	210	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	15/3/1995	Bác sĩ hạng III			Vắng
26	211	PHẠM NGỌC	HOÀNG	02/7/1994	Bác sĩ hạng III	43/60	27/30	
27	212	PHAN TRỌNG	HOÀNG	23/05/1994	Bác sĩ hạng III	42/60	17/30	
28	213	NGUYỄN VĂN	HỘI	07/05/1995	Bác sĩ hạng III			Vắng

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
29	214	LÔ THỊ	HUỆ	09/12/1992	Bác sĩ hạng III	44/60	18/30	
30	215	CAO VĂN	HÙNG	07/09/1994	Bác sĩ hạng III	45/60	19/30	
31	216	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	27/6/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	26/30	
32	217	VÕ THỊ THANH	HƯƠNG	23/6/1994	Bác sĩ hạng III	48/60	29/30	
33	218	PHẠM THỊ	HƯƠNG	10/09/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	26/30	
34	219	HOÀNG NGỌC	HUY	28/7/1995	Bác sĩ hạng III	38/60	25/30	
35	220	NGUYỄN QUỐC	HUY	09/8/1993	Bác sĩ hạng III	46/60	25/30	
36	221	MAI THỊ	HUYỀN	23/12/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	21/30	
37	222	NGUYỄN ĐÌNH	KỶ	10/6/1994	Bác sĩ hạng III	48/60	19/30	
38	223	NGUYỄN TÙNG	LÂM	30/10/1995	Bác sĩ hạng III	47/60	21/30	
39	224	TRẦN THỊ	LỆ	15/6/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	25/30	
40	225	HỒ XUÂN	LINH	30/3/1993	Bác sĩ hạng III	56/60	25/30	
41	226	THÁI THỊ	LINH	06/3/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	25/30	
42	227	LƯƠNG THỊ	LOAN	07/8/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	24/30	
43	228	ĐÀO THANH	LƯU	25/4/1992	Bác sĩ hạng III	43/60	26/30	
44	229	NGUYỄN NHƯ	MẠNH	12/8/1994	Bác sĩ hạng III	46/60	24/30	
45	230	NGUYỄN THỊ	MINH	05/10/1995	Bác sĩ hạng III			Vắng

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
46	231	LÊ QUANG	NAM	16/10/1993	Bác sĩ hạng III	55/60	23/30	
47	232	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	20/10/1993	Bác sĩ hạng III	44/60	22/30	
48	233	NGUYỄN VĂN	NHÂN	04/08/1993	Bác sĩ hạng III	45/60	25/30	
49	234	TRẦN NGỌC	NHẬT	10/5/1995	Bác sĩ hạng III	44/60	24/30	
50	235	TRẦN VĂN	NHẬT	23/11/1995	Bác sĩ hạng III	43/60	25/30	
51	236	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/11/1994	Bác sĩ hạng III	51/60	24/30	
52	237	NGUYỄN THỊ	NHUNG	30/6/1995	Bác sĩ hạng III	45/60	26/30	
53	238	NGUYỄN VĂN	PHONG	14/9/1995	Bác sĩ hạng III	58/60	29/30	
54	239	LÊ HOÀNG	PHÚ	30/9/1995	Bác sĩ hạng III			Vắng
55	240	VŨ THỊ	PHƯƠNG	05/8/1994	Bác sĩ hạng III	50/60	22/30	
56	241	PHẠM VĂN	QUYỀN	18/10/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	22/30	
57	242	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	02/9/1995	Bác sĩ hạng III	38/60	19/30	
58	243	LƯU ĐỨC	SƠN	01/7/1995	Bác sĩ hạng III	48/60	19/30	
59	244	HOÀNG THỊ	THÁI	10/3/1994	Bác sĩ hạng III	50/60	25/30	
60	245	NGUYỄN VĂN	THÁI	25/04/1993	Bác sĩ hạng III	50/60	23/30	
61	246	CAO VIỆT	THẮNG	20/5/1992	Bác sĩ hạng III	47/60	26/30	
62	247	LÊ VĂN	THÀNH	16/10/1994	Bác sĩ hạng III	45/60	16/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
63	248	NGÂN THỊ	THÀNH	12/10/1994	Bác sĩ hạng III	41/60	28/30	
64	249	VÕ QUANG	THÀNH	01/10/1995	Bác sĩ hạng III	48/60	28/30	
65	250	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	04/9/1995	Bác sĩ hạng III	46/60	20/30	
66	251	NGUYỄN SỸ	THỊNH	24/10/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	27/30	
67	252	LÊ THỊ HỒNG	THÚY	12/11/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	29/30	
68	253	NGUYỄN TRẦN	TIỀN	06/5/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	29/30	
69	254	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	15/6/1994	Bác sĩ hạng III	49/60	26/30	
70	255	NGUYỄN HIỀN	TRANG	06/4/1995	Bác sĩ hạng III	56/60	22/30	
71	256	NGUYỄN THỊ	TRANG	10/10/1993	Bác sĩ hạng III	56/60	27/30	
72	257	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	16/07/1995	Bác sĩ hạng III	52/60	29/30	
73	258	ĐỖ NGỌC	TRỌNG	03/6/1994	Bác sĩ hạng III	48/60	22/30	
74	259	DƯƠNG CẨM	TÚ	25/12/1994	Bác sĩ hạng III	53/60	27/30	
75	260	BÙI VĂN	TUẤN	28/06/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	25/30	
76	261	NGUYỄN ĐÌNH	TUẤN	02/11/1995	Bác sĩ hạng III	45/60	27/30	
77	262	NGUYỄN THANH	TUẤN	18/10/1995	Bác sĩ hạng III	51/60	26/30	
78	263	PHẠM THỊ THU	UYÊN	26/12/1995	Bác sĩ hạng III	50/60	28/30	
79	264	PHAN THÀNH	VINH	23/10/1995	Bác sĩ hạng III	53/60	27/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
80	265	PHẠM VĂN	VỸ	19/10/1994	Bác sĩ hạng III	44/60	26/30	
81	266	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	17/02/1992	Bác sĩ hạng III	49/60	27/30	
82	383	LÊ TUẤN	ANH	30/8/1996	Dược sĩ hạng III	53/60	29/30	
83	384	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	25/7/1993	Dược sĩ hạng III	48/60	29/30	
84	385	DƯƠNG ĐÌNH	QUÝ	30/10/1994	Dược sĩ hạng III	44/60	24/30	
85	386	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/5/1995	Dược sĩ hạng III			Vắng
86	387	TĂNG THỊ	THÚY	22/7/1996	Dược sĩ hạng III	56/60	27/30	
87	388	NGUYỄN BẢO	TRUNG	13/9/1993	Dược sĩ hạng III	37/60	25/30	
88	267	NGUYỄN THỊ	ANH	10/7/1993	Điều dưỡng hạng III	47/60	23/30	
89	268	QUÁN THỊ LAN	ANH	10/9/1993	Điều dưỡng hạng III	44/60	13/30	
90	269	TRẦN THỊ LAN	ANH	20/12/1993	Điều dưỡng hạng III	47/60	21/30	
91	270	TRẦN TUẤN	ANH	17/10/1993	Điều dưỡng hạng III	44/60	19/30	
92	271	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	14/7/1995	Điều dưỡng hạng III	49/60	22/30	
93	272	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	11/09/1994	Điều dưỡng hạng III	46/60	19/30	
94	273	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	07/10/1983	Điều dưỡng hạng III	46/60		Miễn Ngoại
95	274	TRẦN THỊ	DUNG	09/11/1993	Điều dưỡng hạng III	43/60	26/30	
96	275	MAI THỊ HỒNG	DUYÊN	08/2/1997	Điều dưỡng hạng III	38/60	22/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
97	276	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	25/01/1993	Điều dưỡng hạng III	50/60	26/30	
98	277	PHẠM THỊ HẢI	GIANG	10/8/1994	Điều dưỡng hạng III	48/60	22/30	
99	278	LÊ THỊ THÁI	HÀ	25/10/1995	Điều dưỡng hạng III	46/60	17/30	
100	279	NGUYỄN THỊ	HÀ	11/4/1995	Điều dưỡng hạng III	35/60	16/30	
101	280	NGUYỄN THỊ	HÀ	22/3/1994	Điều dưỡng hạng III	45/60	21/30	
102	281	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	15/6/1995	Điều dưỡng hạng III	47/60	23/30	
103	282	NGUYỄN THỊ	HẰNG	17/3/1993	Điều dưỡng hạng III	46/60	16/30	
104	283	NGUYỄN THỊ	HẰNG	15/10/1996	Điều dưỡng hạng III	43/60	25/30	
105	284	NGUYỄN THỊ	HẰNG	15/9/1990	Điều dưỡng hạng III	41/60	20/30	
106	285	NGUYỄN THÚY	HẰNG	12/06/1992	Điều dưỡng hạng III	44/60	28/30	
107	286	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	31/08/1997	Điều dưỡng hạng III	43/60	16/30	
108	287	NGUYỄN THỊ	HIỀN	20/07/1997	Điều dưỡng hạng III	47/60	22/30	
109	288	NGUYỄN THỊ BÍCH	HIỀN	07/06/1992	Điều dưỡng hạng III	58/60	23/30	
110	289	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/7/1997	Điều dưỡng hạng III	47/60	28/30	
111	290	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	14/8/1997	Điều dưỡng hạng III	40/60	17/30	
112	291	PHẠM THỊ	HIỀN	15/08/1995	Điều dưỡng hạng III	32/60	18/30	
113	292	TRẦN NGỌC	HIẾU	02/11/1993	Điều dưỡng hạng III	30/60	11/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
114	293	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/4/1995	Điều dưỡng hạng III	51/60	19/30	
115	294	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/10/1992	Điều dưỡng hạng III	43/60	20/30	
116	295	NGUYỄN THỊ	HUẾ	26/9/1996	Điều dưỡng hạng III	45/60	19/30	
117	296	TĂNG THỊ MINH	HUỆ	18/3/1989	Điều dưỡng hạng III	49/60	17/30	
118	297	ĐẶNG THỊ LAN	HƯƠNG	26/12/1995	Điều dưỡng hạng III	53/60	25/30	
119	298	PHAN THỊ	HƯƠNG	10/10/1997	Điều dưỡng hạng III	47/60	21/30	
120	299	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	28/7/1996	Điều dưỡng hạng III	42/60	20/30	
121	300	TRỊNH THỊ	HUYỀN	16/11/1997	Điều dưỡng hạng III	46/60	18/30	
122	301	TRẦN VĂN	KHÁNH	14/12/1990	Điều dưỡng hạng III	39/60	9/30	
123	302	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	10/12/1990	Điều dưỡng hạng III	42/60	22/30	
124	303	NGUYỄN THỊ	KIỀU	18/02/1994	Điều dưỡng hạng III	45/60	17/30	
125	304	NGUYỄN THỊ	LAM	01/2/1993	Điều dưỡng hạng III	48/60	22/30	
126	305	BÙI THỊ	LÀNH	26/04/1995	Điều dưỡng hạng III	48/60	27/30	
127	306	PHẠM QUỲNH	LÊ	05/9/1983	Điều dưỡng hạng III	46/60	21/30	
128	307	HOÀNG THỊ	LỆ	22/7/1994	Điều dưỡng hạng III	51/60	17/30	
129	308	TRẦN THỊ	LIỄU	02/02/1994	Điều dưỡng hạng III	42/60	13/30	
130	309	ĐINH THỊ	LIỆU	23/6/1993	Điều dưỡng hạng III	50/60	23/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
131	310	CHU QUANG	LƯƠNG	08/05/1994	Điều dưỡng hạng III	42/60	23/30	
132	311	NGUYỄN THỊ MỸ	LY	03/09/1996	Điều dưỡng hạng III	42/60	22/30	
133	312	BÙI THỊ	MAI	06/12/1988	Điều dưỡng hạng III	40/60	15/30	
134	313	HOÀNG THỊ	MAI	25/11/1994	Điều dưỡng hạng III	45/60	14/30	
135	314	NGUYỄN THỊ	MAI	04/06/1993	Điều dưỡng hạng III	45/60	17/30	
136	315	NGUYỄN THỊ HÀ	NA	05/05/1996	Điều dưỡng hạng III	43/60	22/30	
137	316	NGUYỄN QUANG	NAM	26/10/1993	Điều dưỡng hạng III	42/60	17/30	
138	317	LÔ THỊ	NGA	14/08/1995	Điều dưỡng hạng III	52/60	23/30	
139	318	NGÔ THỊ	NGA	17/08/1995	Điều dưỡng hạng III	49/60	20/30	
140	319	NGUYỄN THỊ	NGA	10/01/1995	Điều dưỡng hạng III	37/60	16/30	
141	320	TRẦN THỊ	NGHĨA	26/6/1995	Điều dưỡng hạng III	39/60	17/30	
142	321	NGUYỄN THỊ	NHẤT	12/02/1991	Điều dưỡng hạng III	51/60	22/30	
143	322	NGUYỄN THỊ BÉ	NHI	19/5/1997	Điều dưỡng hạng III	40/60	16/30	
144	323	NGUYỄN TỔ	NHU	25/12/1995	Điều dưỡng hạng III	45/60	19/30	
145	324	TRẦN THỊ	NHUNG	11/05/1995	Điều dưỡng hạng III	43/60	18/30	
146	325	ĐẶNG THỊ	PHƯỢNG	22/12/1995	Điều dưỡng hạng III	39/60	23/30	
147	326	HỒ THỊ	PHƯỢNG	11/10/1994	Điều dưỡng hạng III	37/60	26/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
148	327	TĂNG THỊ	QUANG	20/8/1997	Điều dưỡng hạng III	41/60	15/30	
149	328	LÊ NGỌC	QUYÊN	09/5/1996	Điều dưỡng hạng III	40/60	17/30	
150	329	ĐẬU THỊ	QUỲNH	02/3/1992	Điều dưỡng hạng III	53/60	25/30	
151	330	TRẦN THỊ	SEN	14/04/1994	Điều dưỡng hạng III			Vắng
152	331	HOÀNG THỊ	SƯƠNG	06/09/1997	Điều dưỡng hạng III	39/60	12/30	
153	332	NGUYỄN THỊ MAI	SƯƠNG	01/8/1995	Điều dưỡng hạng III	43/60	21/30	
154	333	ĐẬU THỊ	TÂM	19/5/1994	Điều dưỡng hạng III	36/60	20/30	
155	334	LŨ THỊ TÌNH	TÂM	17/3/1997	Điều dưỡng hạng III	41/60	16/30	
156	335	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	24/06/1996	Điều dưỡng hạng III	53/60	15/30	
157	336	PHAN THỊ	THẢO	02/10/1995	Điều dưỡng hạng III	45/60	18/30	
158	337	TRẦN THỊ QUỲNH	THƠ	01/9/1994	Điều dưỡng hạng III	54/60	20/30	
159	338	PHAN THỊ	THƠM	06/07/1994	Điều dưỡng hạng III	51/60	18/30	
160	339	TRẦN THỊ	THU	15/7/1993	Điều dưỡng hạng III			Vắng
161	340	VÕ THỊ HOÀI	THU	01/3/1997	Điều dưỡng hạng III	48/60	25/30	
162	341	HOÀNG ANH	THƯ	30/11/1996	Điều dưỡng hạng III			Vắng
163	342	NGUYỄN CÔNG	THUẬN	11/2/1996	Điều dưỡng hạng III	42/60	21/30	
164	343	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/3/1991	Điều dưỡng hạng III			Vắng

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
165	344	UÔNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	15/10/1990	Điều dưỡng hạng III	44/60	13/30	
166	345	HOÀNG THỊ	TRÀ	08/04/1997	Điều dưỡng hạng III	39/60	21/30	
167	346	LÊ THỊ	TRÀ	21/12/1997	Điều dưỡng hạng III	43/60	22/30	
168	347	LÊ THỊ HƯƠNG	TRÀ	04/04/1993	Điều dưỡng hạng III	44/60	23/30	
169	348	NGUYỄN THỊ	TRÀ	16/7/1993	Điều dưỡng hạng III	51/60	13/30	
170	349	PHAN THỊ	TRÀ	07/12/1997	Điều dưỡng hạng III	40/60	14/30	
171	350	ĐẬU THỊ NGỌC	TRÂM	28/01/1996	Điều dưỡng hạng III	45/60	22/30	
172	351	PHẠM THỊ	TRÂM	08/10/1994	Điều dưỡng hạng III	39/60	17/30	
173	352	LÊ THỊ	TRANG	09/6/1994	Điều dưỡng hạng III	47/60	21/30	
174	353	NGUYỄN THỊ	TRANG	10/07/1994	Điều dưỡng hạng III	44/60	15/30	
175	354	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	01/7/1995	Điều dưỡng hạng III	44/60	20/30	
176	355	TRẦN THỊ	TRINH	27/9/1997	Điều dưỡng hạng III	34/60	14/30	
177	356	VÕ THỊ THANH	TÚ	10/10/1997	Điều dưỡng hạng III	38/60	25/30	
178	357	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	28/8/1995	Điều dưỡng hạng III	43/60	13/30	
179	358	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	03/12/1996	Điều dưỡng hạng III	47/60	24/30	
180	359	TRẦN THỊ	VI	15/7/1997	Điều dưỡng hạng III	41/60	26/30	
181	360	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	14/12/1997	Điều dưỡng hạng III	42/60	19/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
182	361	CHẾ THỊ	YẾN	19/01/1995	Điều dưỡng hạng III	49/60	23/30	
183	362	NGUYỄN THỊ	YẾN	20/9/1997	Điều dưỡng hạng III	32/60	14/30	
184	363	NGUYỄN THỊ	YẾN	13/10/1995	Điều dưỡng hạng III	48/60	20/30	
185	364	NGUYỄN VĂN	BẢO	29/04/1997	Kỹ thuật y hạng III	52/60	24/30	
186	365	NGUYỄN THỊ	GIANG	01/02/1995	Kỹ thuật y hạng III	41/60	19/30	
187	366	LƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	29/06/1997	Kỹ thuật y hạng III	51/60	24/30	
188	367	THÁI DUY	KIÊN	19/03/1992	Kỹ thuật y hạng III	50/60	22/30	
189	368	TRẦN HỮU	KIÊN	12/7/1989	Kỹ thuật y hạng III	41/60	10/30	
190	369	NGUYỄN TỔNG KHÁNH	LINH	11/2/1997	Kỹ thuật y hạng III	50/60	25/30	
191	370	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	05/06/1997	Kỹ thuật y hạng III	49/60	24/30	
192	371	HOÀNG VIỆT	LONG	02/7/1995	Kỹ thuật y hạng III	46/60	24/30	
193	372	NGUYỄN NGHĨA	LONG	10/02/1992	Kỹ thuật y hạng III	48/60	28/30	
194	373	HOÀNG THỊ	LÝ	10/11/1997	Kỹ thuật y hạng III	52/60	22/30	
195	374	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	12/01/1997	Kỹ thuật y hạng III	44/60	24/30	
196	375	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	08/2/1996	Kỹ thuật y hạng III	46/60	24/30	
197	376	TRẦN THÚY	QUỲNH	06/2/1997	Kỹ thuật y hạng III	37/60	24/30	
198	377	TRƯƠNG THỊ THÚY	QUỲNH	30/10/1997	Kỹ thuật y hạng III	46/60	28/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
199	378	NGUYỄN THỊ	THANH	06/8/1996	Kỹ thuật y hạng III			Vắng
200	379	LÊ THỊ CẨM	THẢO	26/02/1997	Kỹ thuật y hạng III	49/60	18/30	
201	380	PHAN THỊ	TRANG	15/12/1997	Kỹ thuật y hạng III	51/60	27/30	
202	381	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	26/9/1997	Kỹ thuật y hạng III	52/60	26/30	
203	382	CAO TUẤN	ANH	05/8/1993	Viên chức dinh dưỡng hạng III	46/60	21/30	
204	1	LÊ THỊ HOÀI	AN	25/5/1996	Điều dưỡng hạng IV	35/60	20/30	
205	2	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	25/05/1992	Điều dưỡng hạng IV	29/60	25/30	
206	3	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	20/02/1997	Điều dưỡng hạng IV	47/60	23/30	
207	5	PHAN TUYẾT	ÁNH	08/01/1997	Điều dưỡng hạng IV	46/60	23/30	
208	6	PHAN LỄ	CẦU	08/10/1986	Điều dưỡng hạng IV	39/60	24/30	
209	9	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	27/01/1997	Điều dưỡng hạng IV	36/60	21/30	
210	10	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	08/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	20/30	
211	11	THÁI THỊ	DUNG	24/1/1993	Điều dưỡng hạng IV	28/60	17/30	
212	12	TRẦN THỊ	DƯƠNG	20/04/1988	Điều dưỡng hạng IV	34/60	12/30	
213	13	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/1996	Điều dưỡng hạng IV	33/60	21/30	
214	14	HOÀNG THỊ	DUYÊN	07/2/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	22/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
215	15	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	22/02/1995	Điều dưỡng hạng IV	47/60	25/30	
216	16	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	03/2/1994	Điều dưỡng hạng IV	48/60	21/30	
217	17	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	29/1/1993	Điều dưỡng hạng IV	60/60	25/30	
218	18	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	22/7/1992	Điều dưỡng hạng IV	38/60	27/30	
219	19	HỒ THỊ TRÀ	GIANG	01/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	38/60	20/30	
220	20	NGUYỄN THỊ	GIANG	25/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	42/60	23/30	
221	23	CHU THỊ THANH	HÀ	04/9/1994	Điều dưỡng hạng IV	33/60	23/30	
222	24	NGUYỄN NGỌC	HÀ	15/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	37/60	21/30	
223	25	NGUYỄN THỊ	HÀ	28/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	52/60	23/30	
224	26	PHẠM THỊ THU	HÀ	29/01/1991	Điều dưỡng hạng IV	51/60	24/30	
225	27	THÁI THỊ VIỆT	HÀ	19/4/1998	Điều dưỡng hạng IV	33/60	14/30	
226	28	TRẦN THỊ	HÀ	07/9/1996	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
227	29	NGUYỄN THỊ	HÂN	17/07/1995	Điều dưỡng hạng IV	35/60	11/30	
228	30	BÙI THỊ	HẰNG	11/2/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	25/30	
229	31	LÊ THỊ	HẰNG	01/08/1998	Điều dưỡng hạng IV	45/60	23/30	
230	32	NGUYỄN DIỆU	HẰNG	26/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	39/60	21/30	
231	33	NGUYỄN THẢO	HẰNG	04/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	38/60	28/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
232	34	NGUYỄN THỊ	HẰNG	09/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
233	35	BÙI THỊ	HẠNH	11/7/1996	Điều dưỡng hạng IV	37/60	19/30	
234	37	ĐINH THỊ	HẠNH	04/04/1998	Điều dưỡng hạng IV	35/60	23/30	
235	38	NGUYỄN THỊ	HẠNH	22/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	22/30	
236	39	NGUYỄN THỊ MAI	HIỀN	07/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	31/60	16/30	
237	40	BÙI THỊ	HIỀN	28/10/1995	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
238	41	ĐINH THỊ	HIỀN	25/09/1998	Điều dưỡng hạng IV	36/60	17/30	
239	42	LÊ THỊ	HIỀN	04/09/1993	Điều dưỡng hạng IV	41/60	17/30	
240	43	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/12/1992	Điều dưỡng hạng IV	37/60	18/30	
241	44	TRẦN VÕ	HIỀN	12/3/1989	Điều dưỡng hạng IV	37/60	17/30	
242	45	VƯƠNG THỊ	HIỀN	27/05/1989	Điều dưỡng hạng IV	42/60	21/30	
243	46	ĐINH THỊ	HOA	12/05/1987	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
244	47	NGÔ THỊ	HOA	10/02/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	22/30	
245	48	NGUYỄN THỊ	HOA	06/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	41/60	24/30	
246	49	TRẦN THỊ	HOA	17/7/1995	Điều dưỡng hạng IV	52/60	27/30	
247	51	NGUYỄN THỊ	HÒA	26/10/1994	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
248	52	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	24/08/1990	Điều dưỡng hạng IV	45/60	27/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
249	53	NGUYỄN THỊ	HOAN	19/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	39/60	21/30	
250	54	ĐINH THỊ	HÒE	15/1/1997	Điều dưỡng hạng IV	36/60	27/30	
251	55	LÊ THỊ	HỒNG	04/01/1994	Điều dưỡng hạng IV	37/60	24/30	
252	57	LÃNG THỰC	HƯƠNG	20/12/1992	Điều dưỡng hạng IV	44/60	23/30	
253	58	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	22/05/1995	Điều dưỡng hạng IV	35/60	19/30	
254	59	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	01/05/1995	Điều dưỡng hạng IV	38/60	24/30	
255	60	QUẾ THỊ	HƯƠNG	30/6/1994	Điều dưỡng hạng IV	33/60	18/30	
256	61	TRẦN THỊ	HƯƠNG	05/6/1992	Điều dưỡng hạng IV	40/60	24/30	
257	62	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	25/3/1995	Điều dưỡng hạng IV	44/60	27/30	
258	63	KIỀU THỊ THANH	HUYỀN	18/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	38/60	21/30	
259	64	LÊ THỊ	HUYỀN	08/10/1993	Điều dưỡng hạng IV	41/60	23/30	
260	65	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	03/11/1991	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
261	66	TỔNG THỊ	HUYỀN	05/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	39/60	22/30	
262	67	NGUYỄN THỊ	LAM	09/12/1997	Điều dưỡng hạng IV	43/60	23/30	
263	68	PHẠM THỊ	LAM	15/9/1995	Điều dưỡng hạng IV	41/60	20/30	
264	69	ĐẶNG THỊ	LAN	23/2/1996	Điều dưỡng hạng IV	35/60	20/30	
265	70	NGUYỄN THỊ	LÊ	12/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	42/60	23/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
266	71	NGUYỄN THỊ	LIÊN	22/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	22/30	
267	72	CHU THỊ THÙY	LINH	18/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	23/30	
268	73	LÊ THỊ	LINH	07/01/1992	Điều dưỡng hạng IV	40/60	24/30	
269	74	NGUYỄN HOÀNG YẾN	LINH	19/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	48/60	26/30	
270	75	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	28/05/1998	Điều dưỡng hạng IV	45/60	28/30	
271	76	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	01/6/1997	Điều dưỡng hạng IV	32/60	22/30	
272	77	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	18/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	44/60	25/30	
273	78	TRẦN THỊ MỸ	LINH	15/07/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	24/30	
274	79	VÕ THỊ TÚ	LINH	20/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	44/60	24/30	
275	80	NGUYỄN THỊ	LỘC	17/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	45/60	26/30	
276	81	TRẦN CAO VŨ	LONG	22/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	43/60	28/30	
277	82	LÊ THỊ KHÁNH	LY	29/08/1992	Điều dưỡng hạng IV	40/60	26/30	
278	83	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	24/3/1995	Điều dưỡng hạng IV	41/60	26/30	
279	84	BÙI THỊ	LÝ	02/12/1994	Điều dưỡng hạng IV	47/60	23/30	
280	85	NGUYỄN THỊ	LÝ	24/05/1994	Điều dưỡng hạng IV	48/60	24/30	
281	86	NGUYỄN THỊ	MAI	10/6/1988	Điều dưỡng hạng IV	37/60	20/30	
282	87	NGUYỄN THỊ	MAI	20/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	46/60	20/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
283	89	TRẦN THỊ	MINH	21/02/1993	Điều dưỡng hạng IV	36/60	23/30	
284	91	PHAN THỊ HÀ	MY	17/11/1992	Điều dưỡng hạng IV	39/60	26/30	
285	92	NGUYỄN THỊ	MỸ	18/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	49/60	26/30	
286	93	TRƯƠNG THỊ	MỸ	24/09/1996	Điều dưỡng hạng IV	51/60	24/30	
287	94	NGUYỄN LÊ	NA	18/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	34/60	24/30	
288	95	ĐOÀN THỊ	NAM	20/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	38/60	24/30	
289	96	HOÀNG THỊ	NĂM	02/02/1994	Điều dưỡng hạng IV	45/60	20/30	
290	97	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	04/02/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	23/30	
291	98	ĐẬU VĂN	NGÂN	10/7/1992	Điều dưỡng hạng IV	42/60	24/30	
292	99	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/11/1997	Điều dưỡng hạng IV	41/60	24/30	
293	100	PHAN THỊ	NHO	25/12/1991	Điều dưỡng hạng IV	46/60	22/30	
294	101	CUNG THỊ	NHUNG	20/2/1997	Điều dưỡng hạng IV	37/60	23/30	
295	102	ĐINH THỊ HỒNG	NHUNG	12/12/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
296	103	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/9/1994	Điều dưỡng hạng IV	34/60	24/30	
297	105	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	26/03/1998	Điều dưỡng hạng IV	34/60	22/30	
298	106	HỒ THỊ	OANH	01/2/1998	Điều dưỡng hạng IV	26/60	19/30	
299	107	NGUYỄN THỊ	OANH	28/1/1991	Điều dưỡng hạng IV	41/60	24/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
300	108	NGUYỄN THỊ	OANH	20/7/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	24/30	
301	110	LÊ THỊ	PHƯƠNG	19/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	42/60	21/30	
302	111	LÊ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	06/4/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
303	112	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	40/60	22/30	
304	113	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	08/7/1989	Điều dưỡng hạng IV	36/60	20/30	
305	114	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	22/5/1990	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
306	115	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	12/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	49/60	21/30	
307	117	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	17/03/1997	Điều dưỡng hạng IV	45/60	23/30	
308	119	CAO THỊ	SƯƠNG	20/08/1994	Điều dưỡng hạng IV	50/60	19/30	
309	120	TRẦN VĂN	TÀI	27/3/1997	Điều dưỡng hạng IV	48/60	18/30	
310	121	DOÃN NGỌC	TÂM	06/4/1990	Điều dưỡng hạng IV	32/60	11/30	
311	122	LÊ THỊ	TÂM	12/4/1993	Điều dưỡng hạng IV	55/60	29/30	
312	123	LƯƠNG THỊ	TÂM	24/8/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	27/30	
313	125	TRẦN THỊ	THANH	06/04/1993	Điều dưỡng hạng IV	29/60	13/30	
314	127	NGUYỄN THỊ	THẢO	29/11/1993	Điều dưỡng hạng IV	41/60	16/30	
315	129	TRẦN THỊ	THÊM	05/12/1991	Điều dưỡng hạng IV	41/60	25/30	
316	130	NGUYỄN THỊ	THIỆN	20/5/1994	Điều dưỡng hạng IV	51/60	24/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
317	131	NGUYỄN QUANG	THỊNH	17/07/1996	Điều dưỡng hạng IV	38/60	20/30	
318	132	CAO THỊ THIÊN	THƠ	12/10/1992	Điều dưỡng hạng IV	43/60	22/30	
319	133	PHẠM THỊ	THOA	10/9/1991	Điều dưỡng hạng IV	45/60	25/30	
320	134	VÕ THỊ	THOA	10/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	47/60	26/30	
321	136	ĐẶNG THỊ	THƯ	22/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	46/60	27/30	
322	137	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	25/9/1990	Điều dưỡng hạng IV	39/60	23/30	
323	138	TRẦN THỊ	THƯƠNG	09/12/1995	Điều dưỡng hạng IV	51/60	21/30	
324	139	CAO ĐỨC	THƯƠNG	02/4/1994	Điều dưỡng hạng IV	42/60	20/30	
325	140	CAO THỊ HỒNG	THÚY	27/06/1996	Điều dưỡng hạng IV	40/60	20/30	
326	141	LÊ THỊ CHUNG	THỦY	29/4/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	24/30	
327	142	NGUYỄN THỊ	THỦY	25/05/1993	Điều dưỡng hạng IV	37/60	23/30	
328	143	CAO THỊ	TRÀ	02/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	27/60	24/30	
329	144	THÁI THỊ	TRÀ	08/1/1998	Điều dưỡng hạng IV			Vắng
330	145	BÙI THỊ QUỲNH	TRANG	13/11/1994	Điều dưỡng hạng IV	46/60	28/30	
331	146	HOÀNG THỊ	TRANG	17/4/1993	Điều dưỡng hạng IV	40/60	25/30	
332	147	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	20/9/1993	Điều dưỡng hạng IV	39/60	25/30	
333	149	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	11/08/1996	Điều dưỡng hạng IV	40/60	23/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
334	150	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	19/06/1995	Điều dưỡng hạng IV	45/60	26/30	
335	151	HOÀNG HỮU	TRỌNG	27/9/1995	Điều dưỡng hạng IV	33/60	19/30	
336	152	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	TÙNG	04/02/1998	Điều dưỡng hạng IV	32/60	19/30	
337	153	NGUYỄN THỊ	TUYẾN	11/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	41/60	22/30	
338	154	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	18/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	43/60	27/30	
339	155	TRƯƠNG THỊ	UYÊN	08/1/1997	Điều dưỡng hạng IV	48/60	27/30	
340	156	ĐẶNG KHÁNH	VÂN	06/2/1993	Điều dưỡng hạng IV	38/60	26/30	
341	157	VÕ THỊ	VÂN	17/11/1991	Điều dưỡng hạng IV	32/60	25/30	
342	158	NGUYỄN THỊ	VIỆT	18/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	29/60	14/30	
343	159	BÙI THỊ	YẾN	10/6/1993	Điều dưỡng hạng IV	42/60	26/30	
344	160	BÙI THỊ	YẾN	30/10/1987	Điều dưỡng hạng IV	36/60	15/30	
345	163	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	10/4/1995	Điều dưỡng hạng IV	43/60	28/30	
346	164	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	23/9/1993	Điều dưỡng hạng IV	52/60	26/30	
347	165	TRẦN THỊ	YẾN	16/7/1996	Điều dưỡng hạng IV	34/60	16/30	
348	4	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	09/01/1997	Hộ sinh hạng IV	36/60	21/30	
349	7	CAO THỊ	CÔNG	04/6/1995	Hộ sinh hạng IV	36/60	25/30	
350	8	ĐẶNG THỊ	DUNG	26/11/1991	Hộ sinh hạng IV	49/60	20/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
351	21	NGUYỄN THỊ	GIANG	17/6/1994	Hộ sinh hạng IV	46/60	26/30	
352	22	TRẦN THỊ THANH	GIANG	08/7/1997	Hộ sinh hạng IV	41/60	23/30	
353	36	CAO THỊ ĐỨC	HẠNH	11/05/1997	Hộ sinh hạng IV	43/60	29/30	
354	50	BÙI THỊ	HÒA	23/3/1997	Hộ sinh hạng IV	38/60	29/30	
355	56	BÙI THỊ	HƯƠNG	12/8/1995	Hộ sinh hạng IV	43/60	27/30	
356	88	HOÀNG THỊ	MINH	10/4/1992	Hộ sinh hạng IV	41/60	27/30	
357	90	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	04/7/1996	Hộ sinh hạng IV			Vắng
358	104	NGUYỄN THỊ	NHUNG	07/01/1996	Hộ sinh hạng IV	42/60	21/30	
359	109	PHAN THỊ	OANH	03/8/1990	Hộ sinh hạng IV	39/60	23/30	
360	116	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	10/5/1993	Hộ sinh hạng IV	40/60	23/30	
361	118	TRẦN THỊ	SANG	18/10/1987	Hộ sinh hạng IV	52/60	26/30	
362	124	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	06/02/1990	Hộ sinh hạng IV	38/60	15/30	
363	126	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/11/1994	Hộ sinh hạng IV	37/60	17/30	
364	128	PHÙNG THỊ	THÊM	06/12/1994	Hộ sinh hạng IV	34/60	26/30	
365	135	NGUYỄN THỊ	THU	10/12/1993	Hộ sinh hạng IV	42/60	24/30	
366	148	NGUYỄN THỊ	TRANG	05/4/1995	Hộ sinh hạng IV	42/60	20/30	
367	161	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	08/4/1997	Hộ sinh hạng IV	45/60	26/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
368	162	NGUYỄN THỊ	YẾN	15/5/1991	Hộ sinh hạng IV	41/60	23/30	
369	166	CAO VĂN	ÂN	09/9/1992	Kỹ thuật y hạng IV	41/60	21/30	
370	167	HOÀNG THÁI	ANH	14/3/1995	Kỹ thuật y hạng IV	45/60	29/30	
371	168	TRẦN THỊ	CHÍN	24/6/1993	Kỹ thuật y hạng IV	48/60	25/30	
372	169	PHẠM THANH	ĐỨC	02/7/1998	Kỹ thuật y hạng IV	37/60	25/30	
373	170	BIỆN VĂN	GIÁP	18/04/1994	Kỹ thuật y hạng IV	35/60	23/30	
374	171	ĐÀO VIỆT	HÀ	07/12/1996	Kỹ thuật y hạng IV	41/60	25/30	
375	172	NGUYỄN THỊ DIỆU	HOA	22/4/1992	Kỹ thuật y hạng IV	49/60	28/30	
376	173	NGUYỄN VĂN	HÙNG	11/5/1995	Kỹ thuật y hạng IV	45/60	26/30	
377	174	NGUYỄN QUANG	HUY	20/10/1998	Kỹ thuật y hạng IV	41/60	22/30	
378	175	NGUYỄN THỊ	KIM	01/2/1996	Kỹ thuật y hạng IV	48/60	21/30	
379	176	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LAM	26/5/1991	Kỹ thuật y hạng IV	40/60	25/30	
380	177	THÁI THÙY	LINH	03/9/1993	Kỹ thuật y hạng IV	46/60	21/30	
381	178	PHẠM THỊ	LÝ	12/11/1994	Kỹ thuật y hạng IV	51/60	24/30	
382	179	SÀM THÁI	NGÂN	16/2/1996	Kỹ thuật y hạng IV	42/60	22/30	
383	180	LÊ TRUNG	NGHĨA	26/01/1992	Kỹ thuật y hạng IV	33/60	19/30	
384	181	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	26/04/1991	Kỹ thuật y hạng IV	45/60	21/30	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Kết quả thi vòng 01		Ghi chú
						Kiến thức chung	Ngoại ngữ	
385	182	LÊ HOÀNG	PHONG	29/6/1992	Kỹ thuật y hạng IV	50/60	24/30	
386	183	LÊ HỒNG	QUÂN	08/9/1995	Kỹ thuật y hạng IV	39/60	24/30	
387	184	NGUYỄN HỒNG	SƠN	06/2/1993	Kỹ thuật y hạng IV	36/60	14/30	
388	185	TRẦN CAO	THÔNG	07/5/1997	Kỹ thuật y hạng IV	33/60	18/30	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương